TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05/6/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông Nguyễn Thành Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Đồng

Bà Nguyễn Thị Bé Ngoan

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trà Ôn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2025/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Anh T**, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp H, xã L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Quốc H**, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Anh T trình bày và yêu cầu:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Quốc H tự quen biết, có tìm hiểu nhau hơn 02 năm thì quyết định tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng

ký kết tại UBND xã L vào ngày 09/7/2018. Thời gian đầu sinh sống hạnh phúc, sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H không chí thú làm ăn, không lo cho vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc. Vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2023 cho đến nay. Nay chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung, chị T và anh H chỉ có 01 con chung tên Nguyễn Phúc K, sinh ngày 14/7/2018 hiện nay đang ở cùng chị T, do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án gảii quyết.

**Bị đơn anh Nguyễn Quốc H đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh H không đến dự và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gởi Tòa án.*

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Anh T. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T được ly hôn với anh H; về con chung: Giao con chung Nguyễn Phúc K cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét; về án phí: chị T phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Chị Lê Thị Anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với anh Nguyễn Quốc H; bị đơn anh H cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, vụ án có quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Lê Thị Anh T có đơn xin vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Quốc H được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do.

Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Anh T và anh Nguyễn Quốc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Tiền Giang vào ngày 09/7/2018 nên hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Chị T cho rằng trong đời sống vợ chồng không hoà thuận, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2023 nên khởi kiệu yêu cầu được ly hôn với anh H; bị đơn anh H được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H không có văn bản trình bày ý kiến. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị T trình bày giữa chị T và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Phúc K, sinh ngày 14/7/2018 hiện do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy, con chung sống cùng với chị Thư T1 khi vợ chồng ly thân đến nay đã ổn định về các mặt nên việc chị T yêu cầu được nuôi con khi vợ chồng ly hôn và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Anh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Anh T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

1.2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung tên Nguyễn Phúc K sinh ngày 14/7/2018 cho chị Lê Thị Anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Anh T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0012007 ngày 10/3/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị Lê Thị Anh T đã nộp đủ.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã Long Hưng, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang (Giấy CNKH số 27 ngày 09/7/2018);
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Luân